

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 45 /2018/QĐST-HNGĐ

Nhơn Trạch, ngày 09 tháng 02 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 72/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1985

- *Bị đơn:* Chị **Võ Thị Lê D**, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Số 140, tổ 3, ấp H, xã V, huyện N, tỉnh Đ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1985 và bị đơn chị Võ Thị Lê D, sinh năm 1985, cùng địa chỉ: Số 140, tổ 3, ấp H, xã V, huyện N, tỉnh Đ

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của anh T, chị D thống nhất giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Lê V – sinh ngày 03/02/2007 và cháu Nguyễn Trung T - sinh ngày 23/10/2013 cho chị D nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi cháu V 1.000.000đồng/tháng và cháu T 1.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 09/02/2018 đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị D khai không có nên không xem xét giải quyết

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Anh Nguyễn Minh T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 007821 ngày dd/mm/yyyy của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS cùng cấp; THA, TAT
- UBND xã/phường; PTP
- Lưu hồ sơ vụ án, AV

THẨM PHÁN

NGUYỄN DUY THỨC